TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 573/2025/DS-ST
Ngày: 22/9/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ;

2. Ông Danh Cư.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Võ Thị Bạch Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1, địa chỉ: số A đường L, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 418/2025/TLST-DS ngày 21/5/2025 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh) về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2025/QĐXXST-DS ngày 01/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 251/2025/QĐST-DS ngày 29/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP N
Địa chỉ: Số B đường C, Phường D, Quận C (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Văn D – Nhân viên xử lý nợ (có mặt); ông Phan Hải Đ – Nhân viên xử lý nợ (vắng mặt) và bà Nguyễn Lê Hoàng G – Nhân viên xử lý nợ (có mặt). Là đại diện theo ủy quyền theo các Văn bản ủy quyền ngày 23/11/2023 và ngày 10/6/2025.

- *Bị đơn*: Ông Trần Vinh Q, sinh năm 1989
Địa chỉ thường trú: Số K đường D1, Phường H2, Quận T3 (nay là phường CH), Thành phố Hồ Chí Minh.
Chỗ ở: Số K2 đường Đ2, phường R2, Quận T3 (nay là phường CH), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 25/3/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Ngân hàng TMCP N (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có người đại diện hợp pháp là ông Vũ Văn D và bà Nguyễn Lê Hoàng G trình bày như sau:

Ngày 07/02/2023, ông Trần Vinh Q có ký với Ngân hàng TMCP N (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0357/2022/908-CV (bao gồm Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của N1 – các tài liệu này gọi tắt là Hợp đồng tín dụng), cụ thể:

Ngân hàng đã phát hành cho ông Q sản phẩm thẻ MC EMV Gold Credit Main Card với số tài khoản 69081522018001.

- Số tài khoản: 69081522018001;
- Ngày phát hành: 08/02/2023;
- Ngày kích hoạt: 13/02/2023;
- Lãi suất trong hạn: 30%/năm;
- Lãi suất quá hạn: 45%/năm;
- Hạn mức tín dụng: 50.000.000đồng;
- Hạn mức rút tiền mặt: 40.000.000đồng;
- Mục đích vay: Tiêu dùng.

Từ thời điểm mở sử dụng thẻ đến ngày 01/8/2025, ông Q thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 98.702.000đồng và thực hiện các giao dịch thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền là 63.083.338đồng. Thứ tự ưu tiên thanh toán dư nợ được áp dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 9 của Bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng như sau:

Tài khoản quản lý thẻ trong hạn:

- Các khoản thanh toán đến hạn của các giao dịch trả góp;
- Phí;
- Lãi;
- Giao dịch rút/ ứng tiền mặt;
- Giao dịch thanh toán.

Tài khoản quản lý thẻ đã chuyển quá hạn:

- Giao dịch rút/ ứng tiền mặt;
- Giao dịch thanh toán (bao gồm các giao dịch trả góp chưa thanh toán);
- Phí;
- Lãi trong hạn;
- Lãi quá hạn.

Đối với tài khoản quản lý thẻ trong hạn, thứ tự ưu tiên thanh toán từng khoản mục nêu trên sẽ được xét độc lập theo từng kỳ thông báo giao dịch. Các kỳ thông báo giao dịch chưa được thanh toán đủ dư nợ cuối kỳ sẽ được ưu tiên thanh toán trước, tiếp đến sẽ ưu tiên trừ các khoản phí, lãi rồi đến gốc.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông Q trả nợ, nhưng ông Q vẫn không thực hiện.

Theo tóm tắt sao kê, tại thời điểm kỳ tháng 3/2023 đến kỳ tháng 4/2024, ông Q thanh toán không đủ tiền nên phát sinh lãi trong hạn 30%/năm và phí chậm thanh toán. Sau khi ông Q thực hiện các giao dịch thanh toán cho Ngân hàng thì sẽ ưu tiên thanh toán phí chậm thanh toán, phí, lãi trong hạn và số tiền gốc hiện tại còn lại là 46.980.617đồng.

Lần cuối ông Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là kỳ tháng 12/2023 với số tiền là 1.500.000đồng. Riêng kỳ tháng 01/2024, dư nợ phát sinh việc thanh toán 23đồng là việc tự động thanh toán (A), số tiền trên phát sinh bởi lãi suất không kỳ hạn (được quy định tại Biểu lãi suất huy động dành cho khách hàng cá nhân) được cộng trực tiếp vào tài khoản của ông Q, sau khi cộng vào, hệ thống sẽ tự động thanh toán số tiền trên, số tiền đã thanh toán này không được tính là của ông Q thanh toán vào và vẫn được xem là một kỳ không thanh toán (trong 4 kỳ liên tiếp).

Do đó, từ tháng 01/2024 đến kỳ tháng 04/2024 là 04 kỳ liên tiếp ông Q không thanh toán, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo khoản 39 Điều 1, khoản 1 Điều 10 và Điều 12 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của N1, nên Ngân hàng đã chấm dứt sử dụng thẻ, thực hiện khóa thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn áp dụng lãi suất 45%/năm từ ngày 24/4/2024 theo Điều 10, Điều 11 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của N1.

Tổng số tiền ông Q còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 01/8/2025 là 79.615.295đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 46.980.617đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 5.798.917đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 26.835.761đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc ông Trần Vinh Q phải trả một lần cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 07/02/2023, tính đến ngày 01/8/2025 tổng cộng là 79.615.295đồng trong đó nợ gốc là 46.980.617đồng, nợ lãi trong hạn là 5.798.917đồng, nợ lãi quá hạn là 26.835.761đồng.

- Buộc ông Trần Vinh Q tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh trên khoản tiền phải thi hành từ ngày 02/8/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 07/02/2023.

Ngân hàng có đơn đề ngày 01/8/2025 yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự.

Bị đơn là ông Trần Vinh Q được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Q vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là Ngân hàng có người đại diện hợp pháp là ông Vũ Văn D và bà Nguyễn Lê Hoàng G trình bày:

Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc ông Trần Vinh Q trả ngay cho Ngân hàng TMCP N một lần toàn bộ số tiền nợ là 82.627.203đồng trong đó nợ gốc là 46.980.617đồng, nợ lãi trong hạn là 5.798.917đồng, nợ lãi quá hạn là 29.847.669đồng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0357/2022/908-CV ký ngày 07/02/2023 và Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của N1.

- Buộc ông Trần Vinh Q phải tiếp tục chịu tiền lãi từ ngày 23/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0357/2022/908-CV ký ngày 07/02/2023 và Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của N1.

Bị đơn là ông Trần Vinh Q được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông Q vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là Ngân hàng yêu cầu bị đơn là ông Trần Vinh Q có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, phải trả một lần cho nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0357/2022/908-CV ký ngày 07/02/2023, Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của N1. Như vậy, đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Bị đơn là ông Trần Vinh Q được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Q vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bị đơn là ông Trần Vinh Q đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông Q vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án. Như vậy, ông Q đã tự từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) nên Tòa án giải quyết vụ án trên cơ sở

chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2.1] Về hình thức của hợp đồng:

Ông Trần Vinh Q có ký với Ngân hàng Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0357/2022/908-CV ký ngày 07/02/2023, Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của N1 với mục đích vay là tiêu dùng. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã phát hành cho ông Q sản phẩm thẻ MC EMV Gold Credit Main Card với số tài khoản 69081522018001.

Việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện, các điều khoản do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đều đáp ứng đủ điều kiện chủ thể ký kết hợp đồng và phù hợp với nội dung quy định tại Điều 91, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14. Nội dung trong hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, do vậy hợp đồng tín dụng nêu trên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi:

Căn cứ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0357/2022/908-CV ký ngày 07/02/2023 và Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của N1 và các bên thỏa thuận về lãi suất trong hạn là 30%/năm, mức lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tại điểm b khoản 2 Điều 10 của Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của N1. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 24/4/2024, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của ông Q sang nợ quá hạn.

Xét thỏa thuận về lãi suất nêu trên của các bên là phù hợp với quy định của Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên có cơ sở được chấp nhận.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ bao gồm: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0357/2022/908-CV ký ngày 07/02/2023, Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của N1 và các Bảng tính lãi chi tiết của khách hàng, có đủ cơ sở xác định ông Q còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 22/9/2025 tổng cộng là 82.627.203đồng trong đó nợ gốc là 46.980.617đồng, nợ lãi trong hạn là 5.798.917đồng, nợ lãi quá hạn là 29.847.669đồng.

Ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Q phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên có cơ sở chấp nhận.

Ngân hàng yêu cầu ông Q phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 23/9/2025 trên số tiền nợ chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0357/2022/908-CV ký ngày 07/02/2023, Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín

dụng của N1 là phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do bị đơn có nghĩa vụ trả tiền nên bị đơn có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 90 và Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP N:

Buộc ông Trần Vinh Q trả ngay một lần cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số tiền nợ là 82.627.203đồng (tám mươi hai triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn hai trăm lẻ ba đồng) trong đó nợ gốc là 46.980.617đồng (bốn mươi sáu triệu chín trăm tám mươi ngàn sáu trăm mười bảy đồng), nợ lãi trong hạn là 5.798.917đồng (năm triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn chín trăm mười bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 29.847.669đồng (hai mươi chín triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm sáu mươi chín đồng) theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0357/2022/908-CV ký ngày 07/02/2023, Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của N1.

Kể từ ngày 23/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ, ông Trần Vinh Q phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số tiền phải thi hành tương ứng theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0357/2022/908-CV ký ngày 07/02/2023, Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của N1.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Vinh Q phải chịu 4.131.360đồng (bốn triệu một trăm ba mươi mốt ngàn ba trăm sáu mươi đồng).

Ngân hàng TMCP N được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.774.626đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm hai mươi sáu đồng) theo biên lai thu tiền số 0068810 ngày 06/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trần Vinh Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 10 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Yến